

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẨM PHẢ
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2018/HNGĐ - ST

Ngày: 21/8/2018

*"V/v Tranh chấp về Hôn nhân
và gia đình"*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẨM PHẢ - TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Khánh.
2. Ông Trần Mạnh Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thu Hà – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Bích Hạnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 8 năm 2018 tại Hội trường xét xử số 2 – Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 98/2018/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2018/QĐXX-ST ngày 05 tháng 7 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 20/2018/QĐXX-ST ngày 23 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kiều T – Sinh năm: 1995

Nơi ĐKKHKT: Thôn T, xã M, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn.

- Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Anh Ngô Tiến D – Sinh năm: 1987

Nơi ĐKKHKT: Tổ 3, khu 3A, phường Q, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

- Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/3/2018, các lời khai tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kiều T trình bày: Chị kết hôn với anh Ngô Tiến D trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân phường Q vào năm 2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị về chung sống tại

nhà chồng ở tổ 3, khu 3A, phường Q, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, sau đó chuyển ra thuê nhà sống riêng tại thôn P, xã L, huyện Kim Động, tỉnh Hải Dương để đi làm. Cuộc sống chung vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh D chơi bời, không quan tâm đến gia đình, có đánh vợ, chửi bới, xúc phạm gia đình nhà vợ. Đến ngày 12/5/2016, mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng, chị T bỏ về nhà ngoại sinh sống, hai vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nữa. Mâu thuẫn giữa chị T và anh D đã được gia đình hòa giải nhưng không thành. Hiện nay chị T xác định tình cảm vợ chồng dành cho anh D không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Ngô Tiến D.

Về con chung: Chị T và anh D có 01 con chung Ngô Văn M sinh ngày 06/5/2013. Con chung hiện đang ở cùng anh D tại nhà bố mẹ của anh D tại tổ 3, khu 3A, phường Q, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh. Quá trình hòa giải tại Tòa án, chị T đề nghị Tòa án giao con chung cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng và chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con 1.500.000đ/ tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Tuy nhiên, tại phiên tòa anh D vắng mặt, chị T đề nghị Tòa án giao con chung Ngô Văn M sinh ngày 06/5/2013 cho chị trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu anh D cấp dưỡng cho con hàng tháng.

Về tài sản chung và công nợ chung: Không có, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Ngô Tiến D vắng mặt tại phiên tòa, có các lời khai tại hồ sơ vụ án thể hiện: Anh D kết hôn với chị Nguyễn Thị Kiều T trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân phường Q vào năm 2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị về chung sống tại nhà chồng ở tổ 3, khu 3A, phường Q, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, sau đó chuyển ra thuê nhà sống riêng tại thôn P, xã L, huyện Kim Động, tỉnh Hải Dương để đi làm. Cuộc sống chung của vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc, thỉnh thoảng có xảy ra mâu thuẫn nhưng không đáng kể. Đến tháng 5/2016, chị T có nguyện vọng muốn đi làm ở Bắc Ninh nhưng anh D không đồng ý. Hai ngày sau, chị T gửi con về cho ông bà nội và bỏ đi làm việc ở nhiều nơi như Hà Nội, Bắc Ninh, sau đó không quay về tiếp tục chung sống cùng anh nữa. Anh D đã nhiều lần đi tìm chị T để hai vợ chồng cùng tìm cách giải quyết mâu thuẫn, gia đình cũng nhiều lần khuyên nhủ, hòa giải cho hai vợ chồng nhưng chị T không đồng ý, cũng không quan tâm đến con. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5/2016 đến nay. Hiện nay anh xác định tình cảm vợ chồng, chị T có đơn xin ly hôn, anh D không đồng ý ly hôn, muốn hai vợ chồng đoàn tụ cùng nuôi dạy con cái.

Về con chung: Chị T và anh D có 01 con chung Ngô Văn M sinh ngày 06/5/2013. Con chung hiện đang ở cùng anh D tại nhà bố mẹ của anh D tại tổ 3,

khu 3A, phường Q, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn, anh D đồng ý là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con 1.500.000đ/ tháng.

Về tài sản chung và công nợ chung: Không có, anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Ngô Tiến D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Chị Nguyễn Thị Kiều T và anh Ngô Tiến D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân phường Q vào năm 2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị về chung sống tại nhà chồng ở tổ 3, khu 3A, phường Q, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, sau đó chuyển ra thuê nhà sống riêng tại thôn P, xã L, huyện Kim Động, tỉnh Hải Dương để đi làm. Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị T xác định là do anh D chơi bời, không quan tâm đến gia đình, có đánh vợ, chửi bới, xúc phạm gia đình nhà vợ; theo anh D xác định là vợ chồng chỉ có mâu thuẫn nhỏ, không đáng kể, nguyên nhân chủ yếu do chị T muốn đi làm ở Bắc Ninh nhưng anh không đồng ý nên chị T đem con gửi về nhà bà ngoại và tự ý bỏ đi làm, sau đó không quay về chung sống với anh nữa. Chị T và anh D sống ly thân từ tháng 5/2016 đến nay.

Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả đã xác minh thu thập chứng cứ tại khu phố khu 3A, phường Q, thành phố Cẩm Phả, được đại diện khu phố cho biết chị T và anh D xảy ra mâu thuẫn từ năm 2016, chị T đưa con về gửi ông bà nội, sau đó bỏ về nhà ngoại sinh sống từ tháng 5/2016 đến nay, không quay về chung sống cùng anh D nữa. Hiện nay, chị T có đơn xin ly hôn, anh D không đồng ý ly hôn, nhưng kể từ khi hai vợ chồng sống ly thân, chị T và anh D không có biện pháp để khắc phục mâu thuẫn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị T và anh D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần xem xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh D là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị T và anh D có 01 con chung Ngô Văn M sinh ngày 06/5/2013. Sau khi hai vợ chồng sống ly thân, con chung đang ở cùng anh D. Quá trình hòa giải tại Tòa án, anh D đồng ý là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con 1.500.000đ/ tháng. Tuy nhiên, anh D đã nhiều lần được Tòa án triệu tập nhiều lần để hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng không có mặt. Tại phiên tòa, chị T đề nghị Tòa án giao con chung

Ngô Văn Msinh ngày 06/5/2013 cho chị trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu anh D cấp dưỡng cho con hàng tháng. Xét thấy chị T đủ điều kiện để nuôi con nên cần chấp nhận yêu cầu của chị T là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Chị T phải nộp án phí theo quy định của pháp luật .

[6] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả có ý kiến cho rằng Việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm trước khi nghị án thấy rằng Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp và tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng. Việc thu thập chứng cứ đầy đủ. Giao nhận tài liệu đúng theo trình tự pháp luật quy định; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án và các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có cơ sở chấp nhận và đề nghị Hội đồng xét xử quyết định theo Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, Điều 35, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định về án phí, lệ phí;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Kiều T đối với anh Ngô Tiến D. Chị T được ly hôn với anh D.

2. Về con chung: Giao con chung Ngô Văn M sinh ngày 06/5/2013 cho chị Nguyễn Thị Kiều T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh Ngô Tiến D không phải cấp dưỡng cho con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kiều T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu số 9937 ngày 29 tháng 3 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cẩm Phả. Chị T đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, vắng mặt bị đơn, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND thành phố Cẩm Phả;
- CCTHADS thành phố Cẩm Phả;
- UBND phường Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Hải